

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM CHỈ HUY
ĐIỀU HÀNH PHÒNG,
CHỐNG DỊCH COVID-19
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

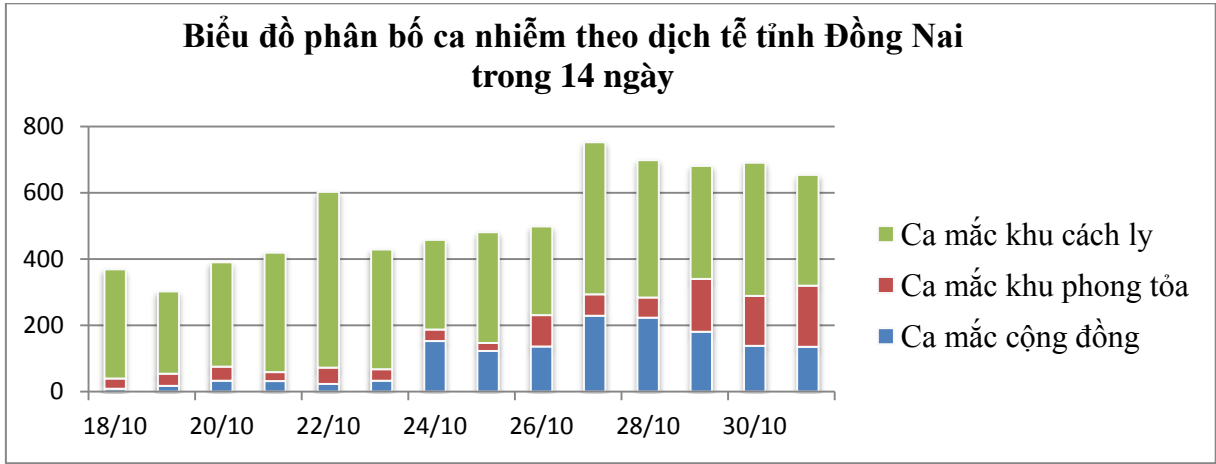
Số: 9095/BC-TTCH

Đồng Nai, ngày 01 tháng 11 năm 2021

BÁO CÁO NGÀY
Công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
Đến 22h00 ngày 31/10/2021

I. Tình hình dịch bệnh (Từ ngày 27/4/2021 đến nay)

TT	Địa phương	Số ca mắc mới trong ngày								Số F1	Số F2	Lũy kế ca bệnh
		Tổng cộng	Sàng lọc tại cơ sở y tế	Số ca trong khu CLTT	Số ca trong khu phong tỏa	Sàng lọc cộng đồng						
						Tổng	Trong đó					
							Cộng đồng	Khu nhà trọ	Doanh nghiệp			
1	Biên Hòa	198	20	157	21	0	0	0	0	66	6	27.980
2	Nhon Trạch	79	12	67	0	0	0	0	0	0	0	16.080
3	Vĩnh Cửu	105	54	2	49	0	0	0	0	141	133	11.157
4	Trảng Bom	141	14	101	26	0	0	0	0	36	0	6.207
5	Long Thành	79	7	1	71	0	0	0	0	-	-	1.922
6	Thống Nhất	15	4	0	11	0	0	0	0	16	0	775
7	Định Quán	11	6	0	5	0	0	0	0	-	-	447
8	Long Khánh	6	5	1	0	0	0	0	0	47	48	436
9	Xuân Lộc	6	3	3	0	0	0	0	0	0	10	414
10	Cẩm Mỹ	4	2	2	0	0	0	0	0	12	5	395
11	Tân Phú	10	8	0	2	0	0	0	0	-	-	258
12	Ngoại tỉnh	0	0	0	0	0	0	0	0	-	-	380
Tổng số		654	135	334	185	0	0	0	0	318	202	66.451



- F0 cộng đồng: trong ngày phát sinh 135 ca (giảm 2,2% so với hôm qua), lũy kế trong 07 ngày là 1.165 ca (tăng 287,0% so với 7 ngày trước đó). cụ thể như sau:

- **Biên Hòa:** ghi nhận 20 ca ngụ tại An Bình (01), Bửu Long (01), Hòa Bình (01), Hồ Nai (01), Long Bình (01), Phước Tân (01), Tam Phước (02), Tân Hiệp (01), Tân Hòa (04), Tân Tiến (01), Trảng Dài (06). Các ca bệnh đa phần làm nghề tự do, buôn bán, di chuyển trong khu vực

- **Cẩm Mỹ:** ghi nhận 02 ca ngụ tại Sông Nhạn (01), Xuân Mỹ (01). Trong đó có 01 trường hợp là đối tượng đi từ vùng dịch (Bình Dương) về địa phương và 01 trường hợp lây nhiễm thứ phát nguồn lây từ công ty Changshin - Long Thành.

- **Định Quán:** ghi nhận 06 ca ngụ tại Phú Ngọc (01), Phú Tân (01), Túc Trưng (04). Trong đó 01 ca về từ Trảng Bom, 01 ca từ BVĐK Đồng Nai, 04 ca là công nhân công ty Taekwang (Biên Hòa).

- **Long Khánh:** ghi nhận 05 ca ngụ tại Bảo Vinh (01), Bàu Trâm (02), Xuân Thanh (02). Liên quan đến ổ dịch tại khu phố 4, phường Xuân Thanh.

- **Long Thành:** ghi nhận 07 ca ngụ tại An Phước (01), Bàu Cạn (01), Bình Sơn (01), Tân Hiệp (01), TT Long Thành (03).

- **Nhơn Trạch:** ghi nhận 12 ca ngụ tại Hiệp Phước (04), Phước Thiện (03), Vĩnh Thanh (05).

- **Tân Phú:** ghi nhận 08 ca ngụ tại Phú Bình (01), Phú Điền (01), Phú Thanh (03), Phú Thịnh (01), TT Tân Phú (01), Trà Cỏ (01). Các ca bệnh đều liên quan đến ổ dịch phát sinh tại chợ TT Tân Phú.

- **Thống Nhất:** ghi nhận 04 ca ngụ tại Bàu Hàm 2 (01), Hưng Lộc (03). Trong đó 03 ca liên quan đến công ty Pou Sung, 01 ca liên quan đến công ty Powen Vina.

- **Trảng Bom:** ghi nhận 14 ca ngụ tại An Viễn (02), Bắc Sơn (01), Đồi 61 (01), Hồ Nai 3 (01), Hưng Thịnh (01), Quảng Tiến (03), Sông Trầu (02), TT Trảng Bom (02).

- **Vĩnh Cửu:** ghi nhận 54 ca ngụ tại Bình Hòa (03), Bình Lợi (02), Tân An (03), Tân Bình (03), Vĩnh An (17), Thạnh Phú (16), Thiện Tân (07), Vĩnh Tân (03). Trong đó 16 ca liên quan đến công ty Thạnh Phú, 06 ca tại công ty Chang Shin, 01 ca là nhân viên y tế tham gia PCD.

- **Xuân Lộc:** ghi nhận 03 ca ngụ tại Suối Cao (01), Xuân Hưng (01), Xuân Tâm (01). Nguồn lây từ người về từ Bình Dương, TP HCM.

Nhận xét: Số ca nhiễm tại cộng đồng giảm 2,2% so với hôm qua, lũy kế trong 07 ngày tăng 287,0% so với 7 ngày trước đó. Các ổ dịch cộng đồng đa phần liên quan đến các doanh nghiệp sản xuất, người về từ các tỉnh Bình Dương, TP Hồ Chí Minh. Trong ngày tất cả 11/11 huyện/thành phố đều ghi nhận ca nhiễm trong cộng đồng tại 54/170 phường, xã. Ghi nhận nhiều nhất tại TT Vĩnh An (17), Thạnh Phú (16) – Vĩnh Cửu.

II. Công tác y tế

1. Cách ly, theo dõi sức khỏe:

	Trong ngày	Đang theo dõi	Kết thúc	Lũy kế
Cách ly tập trung	191	4.767	33.046	37.813
Cách ly tại nhà	659	19.826	64.674	84.500
Theo dõi sức khỏe	146	11.737	23.533	35.270

Trong đó :

- **F1** : Đang theo dõi: 3.976; Lũy kế: 25.122
- **F2**: Đang theo dõi: 6.608; Lũy kế: 35.043
- **Khác** (người về từ vùng dịch, nhập cảnh): Đang theo dõi: 775; Lũy kế: 12.318

2. Điều trị

1.1. Tình hình điều trị

	Đang điều trị		Khỏi bệnh		Tử vong		Nguy kịch/Đang điều trị
	Trong ngày	Lũy kế	Trong ngày	Lũy kế	Trong ngày	Lũy kế	
Số lượng	654	9.658	333	56.266	00	559	33
Tỉ lệ		14,53%		84,63%		0,84%	0,34%

- Các ca đang điều trị: ECMO 01 ca (0,01%), thở máy xâm lấn 32 ca (0,36%), CPAP 03 ca (0,03%), HFNC 20 ca (0,21%), thở oxy 161 ca (1,72%), có triệu chứng 1.366 ca (14,63%), không triệu chứng 7.752 ca (83,02%).

2.1. Mô hình điều trị tháp 3 tầng

	Công suất	Đang theo dõi	Số giường còn lại
Tầng 3	402	156	246
Tầng 2	9.529	4.394	5.135
Tầng 1	9.780	5.306	4.474

2. Tiêm vắc xin phòng COVID-19

STT	Địa phương	Số lượng tiêm trong ngày	Đã tiêm (Dữ liệu cập nhật trên hệ thống tiêm chủng MCC)			Tỉ lệ bao phủ (%)		Số vắc xin còn lại
			Mũi 1	Mũi 2	Tổng	Mũi 1	Mũi 2	

A	Tỉnh Đồng Nai	42.591	2.624.868	1.604.718	4.229.586	104,66%	63,98%	159.493
1	Biên Hòa	1.201	926.252	680.319	1.606.571	106,63%	78,32%	
2	Long Khánh	-	130.975	65.416	196.391	107,52%	53,70%	
3	Xuân Lộc	12.789	190.619	89.376	279.995	114,80%	53,83%	
4	Tân Phú	-	112.029	27.021	139.050	83,40%	20,12%	
5	Cẩm Mỹ	15.239	96.507	52.583	149.090	94,36%	51,41%	
6	Trảng Bom	499	275.896	148.328	424.224	97,42%	52,38%	
7	Định Quán	11.483	143.302	65.130	208.432	95,03%	43,19%	
8	Vĩnh Cửu	762	141.697	102.682	244.379	116,96%	84,76%	
9	Long Thành	-	227.274	118.362	345.636	118,95%	61,95%	
10	Thống Nhất	-	115.039	59.842	174.881	88,29%	45,93%	
11	Nhon Trạch	618	265.278	195.659	460.937	111,24%	82,05%	

***Ghi chú:** Tỷ lệ độ bao phủ được tính dựa trên số liệu dân cư do các huyện/thành phố thống kê thực tế. Hiện tính trên tổng số đối tượng từ 18 tuổi trở lên là 2.508.100 người.

- Số lượng tiêm và tỷ lệ bao phủ vắc xin COVID-19 đối tượng từ 12 đến 17 tuổi : chưa triển khai

- Số lượng tiêm và tỷ lệ bao phủ vắc xin COVID-19 đối tượng từ 18 tuổi trở lên:

+ Mũi 1: 2.624.868 liều, 104,66%.

+ Mũi 2: 1.604.718 liều, 63,98%.

- Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 65 tuổi trở lên đạt 61,09%.

- Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 50 tuổi trở lên đạt 61,43%.

5. Công tác xét nghiệm:

	Trong ngày		Lũy kế	
	Thực hiện	Dương tính	Thực hiện	Dương tính
Test nhanh	1.968	166	1.465.992	6.565
RT-PCR mẫu đơn	5.511	1.865	1.820.354	162.704
RT-PCR mẫu gộp	610	78	330.561	22.659
Lượt người thực hiện PCR	8.449	1.865	3.469.180	162.704

- Số mẫu test nhanh dương tính chờ kết quả RT-PCR: 71 mẫu tại Vĩnh Cửu (44), Định Quán (10), Trảng Bom (08), Cẩm Mỹ (09).

- Số mẫu nghi ngờ, gộp dương: 78 mẫu

6. Hoạt động Trạm Y tế lưu động, Tổ COVID cộng đồng:

- Số Trạm Y tế lưu động đã triển khai: 92 TYT lưu động. Trong đó: Biên Hòa (30), Trảng Bom (17), Nhơn Trạch (12), Long Thành (15), Cẩm Mỹ (13), Thống Nhất (02), Tân Phú (03).

- Số Tổ COVID cộng đồng đã triển khai: 10.534 tổ

7. Nhận định tình hình dịch bệnh và Kiến nghị

a) Nhận định tình hình dịch bệnh

- Trong ngày, số ca nhiễm tại cộng đồng giảm 2,2% so với hôm qua, lũy kế trong 07 ngày tăng 287,0% so với 7 ngày trước đó. Các ổ dịch cộng đồng đa phần liên quan đến các doanh nghiệp sản xuất, người về từ các tỉnh Bình Dương, TP Hồ Chí Minh. Trong ngày tất cả 11/11 huyện/thành phố đều ghi nhận ca nhiễm trong cộng đồng tại 54/170 phường, xã. Ghi nhận nhiều nhất tại TT Vĩnh An (17), Thạnh Phú (16) – Vĩnh Cửu.

- Tỷ lệ bao phủ vắc xin COVID-19 đối tượng từ 18 tuổi trở lên:

+ Mũi 1: 2.624.868 liều, 104,66%.

+ Mũi 2: 1.604.718 liều, 63,98%.

- Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 65 tuổi trở lên đạt 61,09%.

- Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 50 tuổi trở lên đạt 61,43%.

b) Kiến nghị

- Các địa phương định kì đánh giá cấp độ dịch hàng tuần theo hướng dẫn tại Quyết định số 4800/QĐ-BYT ngày 12/10/2021 của Bộ Y tế.

- Thực hiện Chỉ thị số 20/CT-UBND ngày 23/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thực hiện các biện pháp tạm thời "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19" trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và Kế hoạch số 13039/KH-UBND ngày 22/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về Thực hiện Quy định tạm thời "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19" trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Các sở, ngành, địa phương tăng cường triển khai thực hiện Kế hoạch số 11805/KH-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2021 về việc Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy nhanh tiến độ tiêm chủng nhằm sớm nhất đạt mục tiêu 100% người dân toàn tỉnh được tiêm đủ liều vắc xin phòng COVID-19.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc lây nhiễm chéo tại các khu cách ly tập trung, bệnh viện.

- Tăng cường kiểm soát nguồn lây nhiễm tại các điểm nguy cơ cao như: chợ dân sinh, siêu thị, cơ sở sản xuất, khu công nghiệp, khu nhà trọ.

III. Công tác an sinh xã hội

Tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg trong ngày:

	Trong ngày	Lũy kế
--	-------------------	---------------

Đã phê duyệt		
1. Đơn vị sử dụng lao động	0 đơn vị	8.964 đơn vị
2. Người lao động	23.450 người	969.192 người
3. Hộ kinh doanh	264 hộ	11.975 hộ
Đã chi trả		
1. Đơn vị sử dụng lao động	0 đơn vị	8.964 đơn vị
2. Người lao động	5.449 người	840.556 người
3. Hộ kinh doanh	211 hộ	11.652 hộ

TT	Địa phương	Lũy kế số người đã chi/số phê duyệt (người)	Lũy kế số tiền đã chi/số phê duyệt (tỷ đồng)	Tỷ lệ
1	TP. Biên Hòa	347.144/395.008	562,31/647,44	87,88
2	Cẩm Mỹ	15.330/15.330	23,16/23,16	100
3	Định Quán	23.959/23.978	37,17/37,20	99,92
4	TP. Long Khánh	38.776/41.956	64,66/69,49	94,42
5	Long Thành	47.553/47.829	74,07/74,38	99,42
6	Nhơn Trạch	99.170/107.437	155,37/168,20	92,31
7	Tân Phú	28.429/33.516	42,89/50,52	84,82
8	Trảng Bom	120.194/137.558	204,56/230,91	87,38
9	Thống Nhất	24.382/24.382	36,59/36,59	100
10	Xuân Lộc	46.127/49.093	70,65/75,45	93,96
11	Vĩnh Cửu	27.702/70.143	49,63/203,44	39,49
	Tổng cộng	818.766/946.230	1.321,19/1.616,81	86,53

Lưu ý: bao gồm người lao động tự do, lao động tạm hoãn HĐLĐ, ngừng việc trong doanh nghiệp và Hộ kinh doanh.

Trên đây là báo cáo ngày công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- TU, UBND Tỉnh;
- BCD tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Website SYT;
- Lưu VT, NV.

**KT. CHỈ HUY TRƯỞNG
PHÓ CHỈ HUY TRƯỞNG**

**GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ
Phan Huy Anh Vũ**

Phụ lục 1 : Đánh giá mức độ nguy cơ theo Quyết định số 4800/QĐ-BYT

(Cập nhật đến ngày 28/10/2021 tại Báo cáo số 729/BC-KSBT của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai)

	Huyện, thành phố	Xã, phường	Khu, ấp
Cấp 1 (Bình thường mới)	01*	101 (giảm 24)	-
Cấp 2 (Nguy cơ trung bình)	10	58 (tăng 16)	-
Cấp 3 (Nguy cơ cao)	00	11 (tăng 08)	-
Cấp 4 (Nguy cơ rất cao)	00	00	-
Tỉnh Đồng Nai : Cấp 2			

* TP Long Khánh

Phụ lục 2: Tình hình điều trị COVID-19

TT	Cơ sở	Giường kế hoạch COVID	Giường thực kê COVID (con số chính xác)	Số CA + mới trong ngày (24h)	Xuất viện trong ngày (24h)	Chuyển viện trong ngày	Số ca đang điều trị	Cộng dồn			Số ca đang điều trị, trong đó					Phụ nữ có thai	BN < 16 tuổi	> = 65 tuổi	Người có bệnh lý nền và nguy cơ khác	Khả năng còn tiếp nhận	
								Chuyển viện	Tư vong	Xuất viện	HFNC	Thở máy		Thở oxy	Biểu hiện lâm sàng trung bình						Nhẹ và Không triệu chứng
												Không xâm lấn (CPAP)	Xâm lấn								
1	BVĐN/ HSTC	40	40	4	0	0	30		176	2	4		15	11	0	0	0	0			10
2	BVTN/TTHSTC	400	200	11	3	0	78	242	259	89	10	7	18	18	25	0	8	2	23	55	122
3	BVĐKKVLK/HSTC	100	40	1	0	0	26	58	38	47	4	1	0	5	16	0		3	5	16	13
4	BVĐKKVLT	100	100	1	1	0	19	83	35	14	0	0	0	19	0	0	0	0	7	12	81
5	BV Nhi ĐN	20	10	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	BV Định Quán	60	11	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	11
9	BV Đồng Nai 2	10	3	0	0	0	3		0		0	0	0	3	3	0	0	0	1	2	7
Tổng cộng (tăng 3)		730	404	17	4	0	156	384	509	152	18	8	33	56	44	0	8	5	36	85	244
1	Bệnh viện dã chiến số 1	350	285	23	15	1	182	29	2	1637	0	0	0	0	56	126	2	33	9	16	108
2	Bệnh viện dã chiến số 2	350	370	47	0	1	320	100	0	1841	0	0	0	2	85	170	9	75	156	8	50

8	Xuân Lộc																				
9	Cẩm Mỹ	500	200	5	0	0	104	14	0	93	0	0	0	0	0	104	1	31	0	10	96
10	Long Thành	500	500	48	1	2	670	59	0	1142	0	0	0	0	0	670	5	86	14	401	-170
11	Nhon Trạch	4230	3550	0	0	60	1455	0	15	5165	0	0	0	20	380	1055	12	186	20	1249	2095
	TỔNG CỘNG (Tầng 1)	10410.326	9358	319	208	88	5306	4751	33	27798	0	0	0	24	787	4228	41	788	269	1728	4052
	TỔNG TẦNG (3+2+1)	21655.326	19302	768	544	114	9856	6726	566	61419	22	8	33	161	1430	7908	115	1561	568	2191	6300

Phụ lục 3: Tình hình Khu cách ly tập trung

TT	Địa phương	Các điểm cách ly tập trung đang hoạt động	Năng lực theo Quyết định (giường)	Năng lực thực tế (giường)	Trong ngày		Hiện có (người)	Tổng số hoàn thành cách ly	Còn trống (giường)	Trường hợp cách ly được 12 ngày	Trường hợp cách ly được 13 ngày	Trường hợp cách ly được 14 ngày
					Số mới vào cách ly	Số hoàn thành cách ly						
1	Biên Hòa	67	7,016	2,618	94	172	1,775	20,057	843	13	46	85
2	Long Khánh	1	150	150	0	0	26	284	124	0	0	0
3	Vĩnh Cửu	9	1,421	1,421	30	236	571	14,435	850	16	14	14
4	Định Quán	4	400	400	18	20	99	1,204	301	0	0	20
5	Tân Phú	2	200	200	0	8	23	399	177	0	0	0
6	Trảng Bom	3	430	439	0	0	9	1,156	430	0	0	2
7	Thống Nhất	6	386	386	0	0	129	1,042	257	0	0	0
8	Xuân Lộc	1	300	300	34	5	198	1,360	102	17	14	4
9	Cẩm Mỹ	3	610	310	8	11	113	1,481	253	4	2	0
10	Long Thành	1	300	300	60	0	64	414	236	0	0	0
11	Nhon Trạch	18	2,282	2,282	14	0	704	9,315	1,898	2	0	0
	Tổng	115	13,495	8,806	258	452	3,711	51,147	5,471	52	76	125

Phụ lục 4: Báo cáo số liệu tiêm chủng cho người từ 50 tuổi trở lên
(Cập nhật đến ngày 31/10/2021)

Các huyện/thành phố	Dân số cả tỉnh	Người từ 50 tuổi đến dưới 65 tuổi			Người từ 65 tuổi trở lên				Người từ 50 tuổi trở lên			
		Dân số	Số người tiêm đủ liều	Tỷ lệ %	Dân số	Số người tiêm đủ liều	Tỷ lệ %	Mục tiêu tháng 10 đạt từ 80% trở lên (187.788 người)	Dân số	Số người tiêm đủ liều	Tỷ lệ %	Mục tiêu tháng 11 đạt từ 80% trở lên (564.639 người)
Biên Hòa	868.653	141.185	111.842	79,22%	66.461	42.436	63,85%	80%	207.646	154.278	74,30%	93%
Long Khánh	121.816	29.435	13.098	44,50%	8.240	9.283	112,66%	141%	37.675	22.381	59,41%	74%
Long Thành	191.066	34.699	20.984	60,47%	21.181	12.210	57,65%	72%	55.880	33.194	59,40%	74%
Nhơn Trạch	238.477	34.710	29.818	85,91%	13.379	8.785	65,66%	82%	48.089	38.603	80,27%	100%
Thống Nhất	130.302	29.755	13.496	45,36%	11.463	7.083	61,79%	77%	41.218	20.579	49,93%	62%
Trảng Bom	283.202	43.534	22.559	51,82%	21.483	11.846	55,14%	69%	65.017	34.405	52,92%	66%
Vĩnh Cửu	121.149	26.834	19.701	73,42%	10.532	7.177	68,14%	85%	37.366	26.878	71,93%	90%
Xuân Lộc	166.045	34.650	18.026	52,02%	19.734	13.011	65,93%	82%	54.384	31.037	57,07%	71%
Cẩm Mỹ	102.277	26.534	12.376	46,64%	13.358	9.070	67,90%	85%	39.892	21.446	53,76%	67%
Định Quán	150.792	38.867	23.102	59,44%	27.511	11.147	40,52%	51%	66.378	34.249	51,60%	64%
Tân Phú	134.321	30.858	5.192	16,83%	17.543	8.997	51,29%	64%	48.401	14.189	29,32%	37%
Tổng	2.508.100	471.061	290.194	61,60%	230.885	141.045	61,09%	76%	701.946	431.239	61,43%	77%